**TUẦN 23**

***Thứ hai ngày 17 tháng 02 năm 2025***

# **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM:**

# **Sinh hoạt dưới cờ**

# **Phong trào “chúng em bảo vệ môi trường”**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.**Kiến thức:

 - Học sinh nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường.

- Nêu được thực trạng môi trường xung quanh.

- Lập được kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường.

**2. Năng lực.**

- Tự quan sát, tìm hiểu về thực trạng môi trường nơi mình sống.

- Lập được kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường.

- Biết chia sẻ với bạn những hiểu biết của mình về bảo vệ, chống ô nhiễm môi trường.

**3. Phẩm chất:**

- Tôn trọng bạn, biết lắng nghe những thông điệp mà bạn đưa ra.

- Chịu khó tìm hiểu những ý tưởng phòng, chống ô nhiễm môi trường phù hợp, sáng tạo.

- Làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

**II. Đồ dùngdạy học:**

1. Giáo viên:

- Nhắc HS mặc đúng đồng phục; trang phục gọn gàng.

2. Học sinh:

**-** Mặc lịch sự, sạch sẽ; đầu tóc gọn gàng.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Giáo viên | Hoạt động của Học sinh |
| **1. Khởi động : 3 – 5’**- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh bước vào các hoạt động chào cờ.- GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ. **2. Hình thành kiến thức: 8 – 10’****Chào cờ:**- HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.- Thực hiện nghi lễ chào cờ.- GV trực ban tuần lên nhận xét thi đua.- Đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.**3. Luyện tập thực hành: 12 – 15’****Sinh hoạt dưới cờ:** \* Khởi động:- GV yêu cầu HS khởi động hát- GV dẫn dắt vào hoạt động.**\***HS hưởng ứng tham gia các hoạt động trong phong trào Chúng em bảo vệ môi trường- GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào Chúng em bảo vệ môi trường+ Mục đích phát động: Mỗi HS có những hành động đẹp và việc làm cụ thể để hưởng ứng phong trào, góp phần bảo vệ môi trường trường, lớp xanh, sạch, đẹp.+ Ý nghĩa phong trào: Phong trào giáo dục HS ý thức, hành vi và thói quen đúng với môi trường học đường. HS biết giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp ở nơi các em học tập hằng ngày. - GV gợi ý các hoạt đông cụ thể của cá nhân và tập thể lớp để tham gia phong trào:+ Quét dọn, vệ sinh lớp học.+ Kê, xếp bàn ghế gọn gàng, ngăn nắp.+ Quét dọn, vệ sinh các khu vực trong trường học như: khu vực sân chơi, khu vực hành lang, khu vực đa năng, khu hiệu bộ, khu vườn trường,...+ Bỏ rác đúng nơi quy định. + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh.+ Tham gia thu gom rác thải bảo vệ môi trường. + GV Tổng phụ trách Đội chốt lại những nội dung cơ bản, quan trọng trong kế hoạch của mỗi lớp. - Phát động phong trào Chúng em bảo vệ môi trường**4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’****\* Vui văn nghệ.**- Cho HS biểu diễn một số tiết mục với nội dung hát, múa vể quê hương, đất nước,….- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi, biểu dương HS.- GV dặn dò HS chuẩn bị nội dung HĐGD theo chủ đề | - HS chào cờ. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe, tiếp thu, thực hiện.-HS lắng nghe để tham gia các hoạt động-HS nêu mục đích, ý nghĩa của phong trào. - HS trả lời- HS giới thiệu.- Lắng nghe - HS thực hiện yêu cầu.-HS lắng nghe-HS biểu diễn |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị**

**Bài đọc 1 : Phố phường Hà Nội (t1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

- Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài ca dao: Ca ngợi sự phong phú, đa dạng của của phố phường Hà Nội, thể hiện nét đẹp văn hoá của Thủ đô.

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với cách tạo nên một bài thơ (ghép tên các phố của Hà Nội).

+ Biết thể hiện ý kiến của em để nói về điều mình thích trong bài thơ.

**2. Năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác: biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

- NL giải quyết vấn đề - sáng tạo: hoàn thành nhiệm vụ học tập;

- chủ động, tích cực để thực hiện các nhiệm vụ học tập

**3. Phẩm chất:**

 - Phẩm chất yêu nước, nhân ái: mở mang hiểu biết và thêm tự hào về Thủ đô Hà Nội.

- Biết yêu quý nét đẹp văn hoá của thủ đô qua bài thơ.

- Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 8 – 10’** |
| **(1) Kể tên một đô thị ở địa phương (huyện, tỉnh, thành phố) của em** - GV cho HS quan sát tranh và kể tên đô thị ở địa phương em**(2) Tham gia trò chơi Hái táo: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm nổi bật của cuộc sống đô thị** GV mời HS 1 xung phong hái quả táo thứ nhất; HS 1 tự chọn một bạn tiếp sức cùng để hái quả táo thứ hai, ...; lần lượt như vậy cho đến khi các quả táo được hái hết. Kết quả cần đạt: HS chọn được 7 quả táo chứa các từ: náo nhiệt, đông đúc, năng động, tấp nập, nhộn nhịp, sầm uất, ồn ào.(3) **Giới thiệu chủ điểm và bài đọc mở đầu chủ điểm**(4) Giới thiệu bài: | - HS quan sát tranh. HS nêu theo suy nghĩ của mình.- HS tham gia trò chơi.-HS lắng nghe |
| **2.Hình thành kiến thức: 15 – 17’** |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**- GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài ca dao, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV gọi HS đọc nối tiếp mỗi em 2 câu.- Luyện đọc từ khó: *Long Thành, rành rành, Hàng Giày, Hàng Lờ, Hàng Nón, thật là, rủ nhau, chẳng sai, Mã Vĩ, Hàng Giày, trải xem, cũng xinh* Luyện đọc câu: *Rủ nhau/ chơi khắp/ Long Thành/**Ba mươi sáu phố/ rành rành chẳng sai//**-* Luyện đọc: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp theo nhóm 4.- GV nhận xét các nhóm.**\*3. Luyện tập thực hành: 25 – 17’** **Hoạt động 2: Đọc hiểu.**- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương. - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Tên bài ca dao cho em biết bài này nói về điều gì?+ Câu 2: Theo bài ca dao, Hà Nội ngày xưa có bao nhiêu phố?GV mở rộng: Bài ca dao rất thú vị. Đọc bài ca dao, chúng ta có thể nhớ được tên các phố của Hà Nội xưa, từ đó phần nào thấy được sự sầm uất của kinh thành Thăng Long.+ Câu 3: Đọc các tên phố, tìm hiểu phố đó ngày xưa chuyên làm hoặc bán mặt hàng gì?GV bổ sung:+ Câu 4: Bài ca dao ghép tên các phố ở Hà Nội thành thơ. Theo em, điều đó có ý nghĩagì? Chọn ý em thích. GV giải thích yêu cầu của bài tập: Mỗi người có thể đưa ra cách giải quyết riêng của mình. Cần trao đổi, thảo luận để khẳng định ý kiến, thuyết phục người nghe bằng các lí do phù hợp- GV mời HS nêu nội dung bài.- GV Chốt: ***Bài ca dao thể hiện tình yêu và niềm tự hào của tác giả dân gian khi nói về sự sầm uất của thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay) với 36 phố phường. Qua bài ca dao, các em có thêm hiểu biết, thêm mến yêu những vẻ đẹp văn hoá của Thủ đô Hà Nội.*** | - Hs lắng nghe.- HS lắng nghe cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát- HS đọc nối tiếp mỗi em 2 câu.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu.- HS luyện đọc theo nhóm 4.- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Tên bài cho biết bài ca dao nói về phố phường của Hà Nội xưa. + Theo bài ca dao, Hà Nội ngày xưa có 36 phố.+ HS nêu và lần lượt các bạn bổ sung. + Nhóm đôi thảo luận và đưa ra ý kiến. Ví dụ,  - Nhóm tôi chọn ý a, vì trong bài ca dao, chỉ cần đặt tên của 36 phố phường Hà Nội cạnh nhau đã tạo thành một bài thơ hay/ - Nhóm tôi chọn ý b vì qua bài ca dao, có thể thấy Hà Nội rất đẹp/- Nhóm tôi chọn ý c, vì tác giả rất yêu Hà Nội mới nhớ và ghép được tên 36 phố của kinh thành Thăng Long thành bài thơ.- HS nêu  |
| ***1. Tên các phố trong bài ca dao được viết như thế nào? (dùng thẻ)***- GV yêu cầu 1 HS đọc đề bài. Cả lớp đọc thầm theo.- GV giao nhiệm vụ làm việc cá nhân- GV tổ chức giơ thẻ- GV mời HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương.GV lưu ý: Các phố cổ ở Hà Nội xưa vốn làm hoặc bán một thị mặt hàng nào đó nên đều gọi bằng từ hàng (giống như cửa hàng) và từ chỉ mặt hàng (VD: bạc, gà, giấy,...). Về sau, mỗi tiếng trở thành một phần của tên phố nên được viết hoa: Hàng Bạc, Hàng Gà, Hàng Giấy,...***2. Thực hành viết tên địa lí Việt Nam*** ***Viết tên 2 thành phố ở Việt Nam mà em biết (BT 2).***– GV mời HS đọc BT2. Cả lớp đọc thầm theo.− HS làm việc độc lập viết tên 2 thành phố ở Việt Nam mà em biết vào bảng con.- GV quan sát nhận xét, hướng dẫn HS sửa lỗi- GV nhận xét tuyên dương.**Tự đọc sách báo**GV giao nhiệm vụ cho HS:1. Tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK (về nội dung bài đọc, loại bài đọc, số lượng mỗi loại bài đọc).2. Viết vào phiếu đọc sách: Tên bài đọc và một số nội dung chính (nhân vật hoặc sự việc, hình ảnh, câu văn, câu thơ em thích); cảm nghĩ của bản thân. | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc cá nhân.- GV cho cả lớp giơ thẻ (a / b/c) để nếu ý mình đã chọn- HS nhận xét chốt ý C đúng Viết hoa chữ cái đầu của mỗiTiếng tạo thành tên đó- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- Cá nhân tự viết vào bảng con sau đó trình bày trước lớp.- Lớp nhận xét, sửa lỗiVD: **Hà Nội, Đà Lạt, Đồng Hới, Hạ Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ ...** -Nghe GV hướng dẫn về nhà thực hiện |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.+ Cho HS quan sát video cảnh phố phường Hà Nội ngày nay+ Em có cảm nhận gì khi được xem cuọn video?- Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, lắng nghe, không ồn ào gây rối,...- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS quan sát video.+ Trả lời theo cảm nhận của mình.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TOÁN**

**Bài 72: Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật. Nhận biết được các yếu tố cơ bàn của khối lập phương, k[hối hộp chữ nhật là đỉnh,](https://blogtailieu.com/) mặt, cạnh.

- [Đếm được số lượng đ](https://blogtailieu.com/)ỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, [khối hộp chữ nhật](https://blogtailieu.com/)

- Phát triển năng lực [thông qua nhận biết](https://blogtailieu.com/) các yếu tố của khối lập phương, kh[ối hộp chữ nhật, HS pháttriển năng lực quan sá](https://blogtailieu.com/)t, năng lực tư duy, mô hình hoá, đồn[g thời phát triển trí tưởng](https://blogtailieu.com/) [tượng không gian.](https://blogtailieu.com/)

**2. Năng lực.**

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Quan sát hình và trả lời các dạng hình khối nào: - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi+ hình khối trụ: Hộp hạt điều, bình nước, hộp cầu lông.+ Hình khối cầu: Quả bóng,quả bóng tenis.+ hình khối lập phương: Con xúc xắc, hộp quà.+ Hình khối hộp chữ nhật: hộp bánh, quyển sổ.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức***:8 – 10’* |
| - Yêu cầu học sinh quan sát 2 hộp trên bảng và chỉ ra đâu là khối hộp chữ nhật, đâu là khối lập phương.- GV giới thiệu các mặt, đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật và khối lập phương.- YCHS lấy trong bộ đồ dùng học tập khối HCN, GV yêu cầu HS chỉ lần lượt vào từng vị trí trên hình khối để nhận diện mặt, đỉnh và cạnh của khối hộp.- YCHS đếm tất cả các mặt, cạnh, đỉnh và rút ra nhận xét về các mặt của khối hộp chữ nhật.- Làm tương tự với khối lập phương.- GV chốt đặc điểm của hai khối hộp- YCHS so sánh đặc điểm của hai hình khối. *\* GV kết luận:**Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh**Khối lập phương có mặt đều là hình vuông**Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật.***3. Luyện tập, thực hành:12 – 15’****Bài 1: (Làm việc cá nhân)**a) Gọi 2 HS lên bảng, chỉ trên vật mẫu các mặt, đỉnh, cạnh của hai khối hộp.- GV nhận xét, tuyên dương các em biết chỉ đúng đỉnh, cạnh, mặt của khối hộp.b) Gv cho Hs nêu lại đặc điểm của khối hình chữ nhật và khối lập phương.- YCHS thực hiện làm bài vào vở. Trao đổi chéo vở cho nhau để nhận xét.- GV nhận xét.**Bài 2: (Làm việc nhóm 2). Quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.**- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.- Chia lớp thành các nhóm đôi, thảo luận và trả lời theo đề bài.a) Hình trên có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, bao nhiêu khối lập phương?b) Những hình nào có 6 mặt đều là hình vuông?c) Những hình nào có 12 cạnh?- GV mời đại diện các nhóm trình bày.- GV mời các nhóm khác nhận xét và giải thích câu trả lời của mình.- GV nhận xét chung, tuyên dương.**Bài 3: Tổ chức trò chơi “ Đoán hình ”**- GV chuẩn bị 1 thùng giấy đựng các đồ vật có hình khối hộp chữ nhật hoặc khối lập phương lớn nhỏ khác nhau. Một bạn bịt mắt, cho tay vào trong túi lấy ra 1 khối hộp bất kì, nêu lên đặc điểm của khối và nêu tên khối. Các bạn còn lại làm trọng tài.- GV tổng kết, nhận xét chung.*\* Chốt kiến thức:**Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh**Khối lập phương có mặt đều là hình vuông**Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật.* | - HS quan sát và trả lời.- HS quan sát tranh trong SGK và lắng nghe.- Nhiều HS thực hiện, thao tác trên bộ đồ dùng học tập.- HS: Khối hộp chữ nhật có 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh và tất cả các mặt đều là hình ch- HS nhắc lại ghi nhớ- HS trả lời: ...- 2HS lên bảng. Lớp quan sát và nhận xét.- HS nêu.- HS thực hiện.- 1 HS Đọc đề bài.- Lớp chia nhóm và thảo luận.a) HS: Có 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương.b) HS: Hình màu tím và màu xanh ngọc.c) 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương là những hình có 12 cạnh.- 1HS hỏi - 1HS trả lời.- HS trả lời.- HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe.- HS ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập số 4.- Mời HS chia sẻ ý kiến của mình trước lớp và giải thích tại sao.- GV nhận xét.- GV cho học sinh nhắc lại một số đồ vật quen thuộc trong gia đình có các dạng: Dạng hình khối lập phương, dạng hình khối hộp chữ nhật, dạng hình khối cầu, dạng hình khối trụ.- GV nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học. | - HS đọc.- HS: Em đồng ý với ý kiến của bạn Vì khối lập phương có các mặt đều là hình vuông bằng nhau nên tất cả các cạnh của khối lập phương đều bằng nhau.- HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân- HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**Buổi chiều**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị**

**Bài viết 1 : Ôn chữ viết hoa: R, S (T3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

- Ôn luyện cách viết chữ hoa R, S cỡ nhỏ và chữ thường cỡ nhỏ thông qua bài tập ứng dụng.

-Hiểu câu thơ thể hiện niềm tự hào, mến yêu cảnh đẹp thiên nhiên và nỗi niềm thương nhớ dành cho con người.

**2. Năng lực**

- Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và viết chữ hoa, câu ứng dụng

- Tham gia trò chơi, vận dụng.

- Biết nêu nhận xét về nét các chữ hoa

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: Trò chơi: Tiếp sức+ Thi đua nói tiếp nhau nêu những từ ngữ chỉ cuộc sống sôi động nơi đô thị.+ GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện viết trên bảng con.*****a) Luyện viết chữ hoa.***- GV dùng video giới thiệu lại cách viết chữ hoa R, S.C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml11112\wps23.jpgC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml11112\wps24.jpg- GV mời HS nhận xét sự khác nhau, giống nhau giữa các chữ R, S.- GV viết mẫu lên bảng.- GV cho HS viết bảng con.- Nhận xét, sửa sai.***b) Luyện viết câu ứng dụng.***\* Viết tên riêng: ***Sầm Sơn***- GV giới thiệu: Sầm Sơn là một thành phố ven biển thuộc tỉnh Thanh Hoá. Thành phố này là một địa điểm du lịch nổi tiếng với bờ biển dài, sóng vừa phải, không có đá ngầm; phong cảnh thiên nhiên “sơn thuỷ hữu tình” cùng những khu nghỉ dưỡng tiện nghi,...- GV mời HS luyện viết tên riêng vào bảng con.- GV nhận xét, sửa sai.\* Viết câu ứng dụng: **Rừng thu trăng rọi hoà bình /****Nhớ ai tiếng hát ân tình, thuỷ chung.**- GV mời HS nêu ý nghĩa của 2 câu thơ trên.- GV nhận xét bổ sung: Đây là hai câu thơ trích từ bài thơ Việt và người Việt Bắc, nơi mà nhà thơ cùng đông đội đã gắn bó trong những năm tháng Bắc của Tố Hữu. Hai câu thơ thể hiện tình cảm mến yêu của tác giả dành cho cảnh kháng chiến chống thực dân Pháp.- GV mời HS luyện viết từ vào bảng con.- GV nhận xét, sửa sai | - HS quan sát lần 1 qua video.- HS quan sát, nhận xét so sánh.- HS quan sát lần 2.- HS viết vào bảng con chữ hoa R, S- HS lắng nghe.- HS viết tên riêng trên bảng con: Sầm Sơn.- HS trả lời theo hiểu biết.- HS viết từ ứng dụng vào bảng con: *Rừng, Nhớ* - HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập***,* **thực hành: 12 – 15’** |
| - GV mời HS mở vở luyện viết 3 để viết các nội dung:+ Luyện viết chữ R, S.+ Luyện viết tên riêng: Sầm Sơn+ Luyện viết câu ứng dụng:*Rừng thu trăng rọi hoà bình /**Nhớ ai tiếng hát ân tình, thuỷ chung.* - GV theo dõi, giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ.- Chấm một số bài, nhận xét, tuyên dương. | - HS mở vở luyện viết 3 để thực hành.- HS luyện viết theo hướng dẫn của GV- Nộp bài- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.+ Cho HS quan sát một số bài viết đẹp từ những học sinh khác. + GV nêu câu hỏi trao đổi để nhận xét bài viết và học tập cách viết.- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS quan sát các bài viết mẫu.+ HS trao đổi, nhận xét cùng GV.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Chủ đề 5: Con người và sức khỏe**

**Bài 15: Cơ quan tiêu hóa (t2)**

 **I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Làm thử nghiệm khám phá vai trò của răng, lưỡi, nước bọt trong quá trình tiêu hóa thức ăn ở khoang miệng.

- Nêu được quá trình tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non, ruột già.

- Nhận biết được chức năng của cơ quan tiêu hóa qua hoạt động ăn uống và thải bã.

- Nêu được chức năng của cơ quan tiêu hoá.

**2. Năng lực.**

- Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

-Thực hiện được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hóa. Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

-Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Ong non học việc”*- Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh. - GV tổ chức cho HS chơi*Gợi ý câu hỏi:*Câu 1: *Cơ quan tiêu hóa gồm hai phần chính là ống tiêu hóa, dạ dày và các tuyến tiêu hóa?*1. Đúng
2. Sai

Câu 2: *Ống tiêu hóa gồm: miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già và hậu môn?*1. Đúng
2. Sai

Câu 3: *Các tuyến tiêu hóa gồm: tuyến nước bọt, gan, mật và tuyến tụy?*1. Đúng
2. Sai

- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Ở tiết học trước cô và các con đã tìm hiểu về các bộ phận chính của cơ quan tiêu hoá qua sơ đồ cơ quan tiêu hoá. Hôm nay cô trò mình tiếp tục tìm hiểu về “Cơ quan tiêu hoá” tiết 2.* | - HS lắng nghe, quan sát- HS tham gia trò chơi.- HS trả lờiCâu 1: Đáp án BCâu 2: Đáp án ACâu 3: Đáp án B- HS lắng nghe.- 2 HS đọc tên bài, cả lớp ghi vở. |
| **2.Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **Hoạt động 3. Thực hành khám phá sự tiêu hoá thức ăn ở khoang miệng (Làm việc nhóm)**- GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml11112\wps17.jpg**-** GV chia lớp thành các nhóm. Phát cho mỗi nhóm một chiếc bánh mì hoặc cơm. Yêu cầu HS trong nhóm nhai kĩ khoảng một phút.- Tiếp theo, trưởng nhóm điều khiển các bạn chia sẻ về:+ Sự thay đổi độ cứng và vị của miếng bánh mì hoặc cơm trước và sau khi nhai.+ Vai trò của răng, lưỡi và nước bọt khi ăn.- GV gọi đại diện nhóm trình bày.- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét chung, tuyên dương.- GV chốt hoạt động và mời HS đọc lại.*Ở khoang miệng, thức ăn được nghiền nhỏ, nhào trộn, tẩm ướp. Khi nhai kĩ, nước bọt sẽ giúp biến đổi một lượng nhỏ thức ăn chứa chất bột như bánh mì, cơm, ... thành đường.*  | - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.- HS trong nhóm nhận bánh mì hoặc cơm, nhai và cảm nhận.- HS thảo luận nhóm và chia sẻ.- Đại diện nhóm trình bày.- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc lời con ong ở trang 85 SGK. |
| **3. Luyện tập, thực hành: 12 – 15’** |
| **Hoạt động 4. Tìm hiểu sự tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non và ruột già. (Làm việc cá nhân)*****Chỉ và nói quá trình tiêu hoá thức ăn ở dạ dày, ruột non, ruột già trong các hình dưới đây.***- GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.- GV chiếu khung hình 1-3 như SGK trang 85.- Gọi HS lên bảng chỉ và nói nội dung của mỗi khung hình.- Gọi HS nhận xét- GV nhận xét, tuyên dương.- GV chốt: Quá trình tiêu hoá thức ăn trong cơ quan tiêu hoá gồm bốn giai đoạn:1. Lấy vào: Nhai và nuốt thức ăn ở miệng qua thực quản.2. Tiêu hoá: Biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng ở dạ dày và ruột non.3. Hấp thu: Lấy chất dinh dưỡng vào máu để nuôi cơ thể ở ruột non.4. Thải ra: Loại bỏ các chất cặn bã ở ruột già ra ngoài cơ thể qua hậu môn.- Gọi HS nhắc lại. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS quan sát- 1,2 HS lên bảng, cả lớp lắng nghe, quan sát.- HS nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe- HS lắng nghe- 1,2 HS nhắc lại. |
| **Hoạt động 5: Xác định chức năng của cơ quan tiêu hoá**- GV chiếu câu hỏi, gọi HS đọc.1. Kể về việc ăn uống hằng ngày của em.2. Em có nhận xét gì về lượng thức ăn, đồ uống được đưa vào cơ thể và lượng cặn bã thải ra?3. Cơ quan tiêu hoá có chức năng gì?- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4.- Gọi đại diện nhóm trình bày.- Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương.- **GV chốt:** *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*- Gọi HS đọc lại. | - 1,2 HS đọc, cả lớp quan sát- HS thảo luận nhóm 4- Đại diện nhóm trình bày- Đại diện nhóm khác nhận xét.- HS lắng nghe.- 1,2 HS đọc kiến thức cốt lõi ở trang 86 SGK. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Ai bay cao hơn”*- Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh. - GV tổ chức cho HS chơi*Gợi ý câu hỏi:*Câu 1: *Quá trình tiêu hoá gồm 3 giai đoạn (lấy vào, tiêu hoá, thải ra).*1. Đúng
2. Sai

Câu 2: *Ở dạ dày, thức ăn được nhào trộn, nghiền nát thành dạng lỏng. Một phần thức ăn được dịch vị biến đổi thành chất dinh dưỡng.*1. Đúng
2. Sai

Câu 3: *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*1. Đúng
2. Sai

- GV nhận xét, tuyên dương.- Nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe, quan sát- HS tham gia trò chơi.- HS trả lờiCâu 1: Đáp án BCâu 2: Đáp án ACâu 3: Đáp án B- HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

***Thứ ba ngày 18 tháng 02 năm 2025***

**TIẾNG VIỆT:**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị nói và nghe**

**Trao đổi: Bảo vệ môi trường đô thị ( tiết 4)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

+Hiểu nội dung văn bản (môi trường đô thị đang bị ô nhiễm nhất là môi trường nước, không khí và cách mà con người góp phần giảm ô nhiễm môi trường).

+ Lắng nghe bạn trả lời, biết nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.

 + Biết trao đổi cùng các bạn về những thông tin trong bài**.**

 **2. Năng lực:**

 + Bước đầu biết nói một cách hình ảnh để gây chú ý đối với người nghe.

 **3. Phẩm chất**

-Biết trao đổi vấn đề một cách chủ động, tự nhiên, tự tin

 - Góp phần phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm;Có ý thức bảo vệ môi trường.

4. Tích hợp Bảo vệ môi trường

GD HS ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:3 – 5’** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + HS xem một đoạn video clip nói về ô nhiễm môi trường đô thị. + Em hãy cho viết về tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương.+ GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS xem video-HS nêu thực tế- HS lắng nghe. |
| **2.Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **2.1. Hoạt động 1: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi****a. Nghe thông tin**- GV trình bày văn bản- GV lưu ý HS theo dõi những câu hỏi trong SGK để có định hướng khi nghe.+ HS nghe lần 1: Nhớ nội dung chính của bài và ghi lại những từ khó cầngiải nghĩa.+ HS nghe lần 2: Rà soát những từ khó đã ghi trước đó xem đầy đủ, chính xác chưa; ghi nhanh thông tin để trả lời các câu hỏi.+ HS nghe lần 3: Rà soát lại các câu trả lời, điều chỉnh bổ− GV cùng HS giải thích những từ khó mà HS chưa rõ nghĩa.**+ Trả lời câu hỏi**:  -GV mời 1 HS đọc 4 câu hỏi trong BT 1. Cả lớp đọc thầm theo. GV tổ chức các trò chơi: ***Phỏng vấn.*** Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 HS trả lời; cả lớp cho ý kiến bằng cách giơ tay nếu đồng ý hoàn toàn. Những HS chưa đồng ý hoàn toàn sẽ chia sẻ ý kiến. GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng.(1) Vì sao môi trường ở đô thị dễ bị ô nhiễm? (2) Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nước là gì? (3) Nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí là gì?  (4) Ô nhiễm nước và không khí gây ra những bệnh gì? (5) Để giảm ô nhiễm, chúng ta cần làm gì? - Các nhóm cử đại diện chơi trò chơi - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá **2. 2. Hoạt động 2. Thảo luận*****Em đã và sẽ làm gì để góp phần giảm ô nhiễm môi trường?*** (BT 2)− 1 HS đọc câu hỏi 2. Cả lớp đọc thầm theo.- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi.− HS chia sẻ với bạn những việc đã làm và sẽ làm.- GV khuyến khích, hướng dẫn HS:+Chia sẻ về những việc bản thân đã làm.+ Chia sẻ về dự định làm một số việc vừa sức để góp phần bảo vệ môi trường- GV gọi 2 – 3 HS phát biểu, các HS khác bổ sung, nhận xét.- GV nhận xét và chốt lại vấn đề: Môi trường sống rất quan trọng, vì đó là không gian sinh sống chung của muôn loài. Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường, nhất là ở những đô thị lớn, nơi môi trường đang có những biểu hiện ô nhiễm nghiêm trọng. …- GV nhận xét, sửa sai | - HS nghe văn bản- Theo dõi để định hướng khi nghe.- Hs đọc- HS tham gia trò chơi+ Do đô thị là nơi tập trung đông người.+ Do nước thải, rác thải làm bẩn ao hồ, sông và mạch nước ngầm.+ Do khí thải từ nhà máy, ô tô, xe máy; do rác thải, nước thải,... từ nhà máy, bệnh viện, công trình xây dựng và các gia đình.+ (Ô nhiễm nước và khôngkhí gây ra các bệnh về mắt, da, đường hô hấp, đường ruột và cả bệnh ung thư,....+ Chính quyền hoặc các cơ quan,vị có trách nhiệm cần xử lí nguồn gây ô nhiễm từ nhà máy, bệnh viện, công trình xây dựng và các gia đình. Người dân cần bỏ rác đúng nơi quy định, không xả nước thải vào nguồn nước; lựa chọn phương tiện giao thông công cộng; dùng xe đạp thay cho ô tô, xe máy khi đi gần.-HS đọc câu hỏi, cả lớp đọc thầm - Nhóm thảo luận.- HS chia sẻ:+ giữ gìn vệ sinh nơi ở, lớp học; bỏ rác đúng quy định, hạn chế dùng túi nilon,...+ đi xe đạp hoặc xe buýt tới trường, trồng và chăm sóc cây xanh, hạn chế sử dụng đồ dùng đựng sản phẩm một lần,.....- HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| 4. Tích hợp Bảo vệ môi trườngCần làm gì để bào vệ môi trườngGV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.- GV cho Hs nghe thông tin về bảo vệ môi trường đô thị- GV trao đổi những cảm nhận của em sau khi nghe thông tinGD HS ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên.- GV giao nhiệm vụ HS về nhà kể lại cho người thân nghe những thông tin vè bảo vệ môi trường đô thị.- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | Hs kể- HS theo dõi thông tin - HS cùng trao đổi nêu cảm nhận của mình- HS lắng nghe, về nhà thực hiện.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TIẾNG VIỆT:**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị**

**Bài đọc 2: Những tấm chân tình (t5 + 6)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức:.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài.

- Hiểu ý nghĩa của bài: Những ấn tượng đẹp của tác giả khi đến với Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ấn tượng về cách sống chân tình của con người nơi đây.

- Nhận biết các câu có sử dụng từ bằng. Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc về một nội dung của bài đọc.

**2. Năng lực .**

- Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các câu hỏi; nhận biết tác dụng của dấu ngoặc kép

- Tham gia trò chơi, vận dụng.

- Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về đất nước, yêu mến những thành phố của đất nước mình - Biết yêu quý bạn bè qua bài đọc.

- Giữ trật tự, học tập nghiêm túc

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức”.- Hình thức chơi: HS nối tiếp mỗi em nêu tên Phố ở Hà nội mà em biết- GV Nhận xét, tuyên dương.-Cho HS nghe một đoạn trong bài hát Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh của nhạc sĩ Xuân Hồng do một bạn thiếu niên/nhóm thiếu niên trình bày + Bài hát này nói về thành phố nào? - GV dẫn dắt vào bài mới: | - HS tham gia trò chơi- Lần lượt mỗi học sinh đều thực hiện.- HS lắng nghe.- Bài hát nói về Thành phố Hồ Chí Minh |
| **2. Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**- GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm toàn bài. Giọng thong thả, ttrang trọng. Nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm. - Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV chia đoạn: (6 đoạn)+ Đoạn 1: Từ đầu đến *ngoài bắc*.+ Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *mà sống*+ Đoạn 3: Tiếp theo cho đến *nhiều lắm*+ Đoạn 4: Còn lại- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.- Luyện đọc từ khó:*trở lại, không lăn nổi, nắng chói chang, nhiêu đó, mưa rào, rả rích, chủ quán, vẫy tay, loay hoay, nhiều lần nữa*- Luyện đọc câu: *Lần đầu tới Thành phố Hồ Chí Minh, / tôi bị choáng ngợp bởi thành phố khác xa nơi tôi sống. / Thành phố đón tôi bằng cơn mưa rào bất chợt./ Mưa đến nhanh và kết thức cũng nhanh,/ chẳng rả rích như nhừng cơn mưa ngoài Bắc.//*- GV kết hợp cho HS giải nghĩa từ*-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.- GV nhận xét các nhóm.**3 Luyện tập thực hành: 25 – 27’****:\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**- GV tổ chức theo kĩ thuật Mảnh ghép: mỗi nhóm chuyên trả lời 1 câu hỏi. Sau đó, ở nhóm ghép, HS sẽ thảo luận cả 3 câu hỏi.- Một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung.- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Lần đầu đến Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả có ấn tượng gì?+ Câu 2: Lần thứ hai đến thành phố, tác giả có thêm ấn tượng đặc biệt về điều gì?+ Câu 3: Câu nói của chú chủ quán “Có gì đâu, con! Người với người trông nhau mà sống.” thể hiện cách sống như thế nào?GV cho HS liên hệ thực tế.GV nhận xét, tuyên dương. - GV mời HS nêu nội dung bài.- GV Chốt: ***Những ấn tượng đẹp của tác giả khi đến với Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ấn tượng về cách sống chân tình của con người nơi đây.*** | - Hs lắng nghe.- HS lắng nghe cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát- HS đọc nối tiếp theo đoạn.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu.- HS ghép được các từ ngữ với lời giải từ ngữ- HS luyện đọc theo nhóm 4.- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Đó là sự choáng ngợp bởi thành phố này lộng lẫy, náo nhiệt, khác xa nơi tác giả sống; ấn tượng về cơn mưa bất chợt, đến rất nhanh và kết thúc cũng nhanh, khác với những cơn mưa rả rích ngoài miền Bắc.+ Tác giả ấn tượng về “cái nắng chói chang” và đặc biệt là ấn tượng về cách ứng xử rất tình cảm của những con người bình dị nơi đây (chú chủ quán hủ tiếu, những người uống cà phê ven đường).+ Câu nói thể hiện cách sống đẹp của những con người bình dị qua việc ứng xử rất chân tình: luôn để ý, quan tâm tới mọi người xung quanh (nhất là những người yếu thế) và sẵn sàng giúp đỡ khi họ cần.- 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.- HS đọc lại nội dung bài. |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài bài tập 1- GV giao nhiệm vụ làm việc chung cả lớp- GV mời đại diện nhóm trình bày.***1. Tìm câu có sử dụng từ “ bằng”*****-** GV chiếu bài làm lên bảng.**-** Cho HS làm việc nhóm đôi viết vào VBT- Cho nhóm báo cáo kết quả, Gv chiếu bài làm HS lên**-** Lớp nhận xét, GV nhận xét chốt đáp án đúng- GV nhận xét tuyên dương.***2. Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc về một nội dung của bài đọc.***- GV yêu cầu HS đọc đề bài.- GV giao nhiệm vụ làm việc cá nhân sau đó dán câu đã ghi vào nhóm; Đại diện nhóm trình bày- GV mời HS trình bày. GV trình chiếu BT 2 trên bảng, một số HS trình bảy kết quả- GV mời HS khác nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:- HS trình bày, lớp nhận xét. Nêu ý kiến:+ Thành phố đón tôi bằng cơn mưa rào bất chợt.+ Lần thứ hai trở lại, thành phố đón tôi bằng cái nắng chói chang.- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc cá nhân, và ghép vào phiếu nhóm để trình bày.a) Đặt câu về thời tiết ở Thành phố Hồ Chí Minh:  - “Những cơn mưa của thành phố này thật lạ!”/  - “Chao ôi, sao nắng chói chang thế”.b) Đặt câu về người Thành phố Hồ Chí Minh: - “Con người nơi đây thật đáng mến!”/  -“Người Thành phố đáng yêu quá!”.- Các nhóm nhận xét. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 6’** |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.– giai đoạn chống dịch Covid - 19 của thành phố – để các em chia sẻ hiểu biết của mình về Thành phố Hồ Chí Minh nhân hậu và kiên cường.- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS chia sẻ theo cảm nhận của mình.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TOÁN:**

**Bài 73: Thực hành xem đồng hồ – Trang 38 (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng 5 phút một (có số phút là bội của 5).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực.**

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 3 – 5’** |
| - GV tổ chức trò chơi: *Ai nhanh – Ai đúng* về xem đồng hồ theo giờ đúng để khởi động bài học.- GV phổ biến luật chơi và hướng dẫn HS cách chơi: Nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.+ 9 giờ, 12 giờ, 7 giờ, 2 giờ, 4 giờ.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- HS nhìn đồng hồ và nêu giờ.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức:8 – 10’**- GV YC HS lấy mô hình đồng hồ- GV yêu cầu HS quan sát vào mỗi vạch trên đồng hồ và lưu ý cho HS về giờ đúng, giờ hơn, giờ kém và đọc giờ theo từng 5 phút một.- GV quay kim đồng hồ chỉ 9 giờ 10 phút để HS nhận ra và đọc đúng giờ, phút.+ 9 giờ 10 phút kim ngắn chỉ vào số mấy và kim dài chỉ vào số mấy?- GV mời HS khác nhận xét.- GV quay kim đồng hồ và hỏi tương tự với đồng hồ chỉ 9 giờ 15 phút và 9 giờ 35 phút để HS nhận ra và đọc đúng giờ, phút.**-** GV nhận xét, tuyên dương.- GV nêu câu hỏi:+ Theo các em, 9 giờ 45 phút thì kim phút chỉ số mấy?+ Theo các em, 9 giờ 50 phút thì kim phút chỉ số mấy?- GV nhận xét.- GV yêu cầu HS quay đồng hồ chỉ 9 giờ 45 phút và 9 giờ 50 phút.- Từ khi kim phút chỉ vạch số này đến vạch số tiếp theo là mấy phút?- GV gọi HS khác nhận xét. GV nhận xét.- GV hỏi: Vậy theo các em hai bạn nữ trong tranh phía trên, bạn nào trả lời đúng?- GV nhận xét. | - HS lấy mô hình đồng hồ- HS quan sát theo yêu cầu và lắng nghe.- 9 giờ 10 phút khi kim ngắn chỉ vào số 9 và kim dài chỉ vào số 2.- HS nhận xét bạn. - HS đọc giờ và trả lời câu hỏi.- HS trả lời câu hỏi- 9 giờ 45 phút thì kim phút chỉ số 9.- 9 giờ 45 phút thì kim phút chỉ số 10.- HS thực hiện theo YC.- Là 5 phút.- HS nhận xét bạn.- Bạn nữ áo cam trả lời đúng. |
| **3. Luyên tập, thực hành: 12 – 15’****Bài 1. Số (Làm việc cá nhân)**- GV yêu cầu HS nêu đề bài**a.** **-** GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân.- GV mời HS khác nhận xét bạn.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu yêu cầu bài- 3, 4 HS đọc số chỉ phút thích hợp với các số trên mặt đồng hồ còn thiếu.+ Số 5 là 25 phút, số 6 là 30 phút, số 7 là 35 phút, số 8 là 40 phút, ... |
| **b. (Làm việc nhóm đôi)**- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (1 bạn hỏi – 1 bạn trả lời)- Gọi 3 cặp HS báo cáo kết quả thảo luận (mỗi nhóm 1 đồng hồ)- GV mời HS khác nhận xét.- GV nhận xét**Bài 2: (Làm việc cá nhân)**- GV yêu cầu HS nêu đề bài**a.** - GV yêu cầu HS thực hiện trên mô hình đồng hồ theo yêu cầu của bài tập: thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 6 giờ 5 phút và 6 giờ 10 phút.- GV mời HS lên bảng thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 6 giờ 5 phút và 6 giờ 10 phút. - GV đặt câu hỏi: Từ 6 giờ 5 phút đến 6 giờ 10 phút là bao nhiêu phút?- GV mời HS nhận xét. **-** GV nhận xét, tuyên dương.**b.** - GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự ý a, thực hiện quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 11 giờ 25 phút, 11 giờ 35 phút và trả lời câu hỏi.- GV mời HS nhận xét. **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nhận xét bạn.- Nghe- HS thảo luận và thực hiện yêu cầu bài tập.- 3 cặp HS báo cáo kết quả.+ Đồng hồ thứ nhất chỉ 8 giờ 20phút+ Đồng hồ thứ hai chỉ 5 giờ 5 phút.+ Đồng hồ thứ ba chỉ 4 giờ 35 phút- HS khác nhận xét nhóm bạn- 1 HS nêu yêu cầu bài- HS thực hiện cá nhân tại chỗ.- 2, 3 HS lên thực hiện.- Từ 6 giờ 5 phút đến 6 giờ 10 phút là 5 phút.- HS nhận xét bạn.- HS thực hiện quay kim đồng hồ theo yêu cầu và trả lời: Từ 11 giờ 25 phút đến 11 giờ 35 phút là 10 phút. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’**- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” về đọc được giờ theo từng 5 phút một.- GV phổ biến luật chơi và cách chơi: Lớp trưởng lên quay kim đồng hồ. HS dưới lớp nhìn đồng hồ và nêu giờ của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.+ 9 giờ 5 phút, 12 giờ 15 phút, 7 giờ 25 phút, 2 giờ 45 phút, 4 giờ 10 phút.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết học | - HS lắng nghe- HS tham gia chơi trò chơi. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**......................................................................................................................................................................................................................................... |

***Thứ tư ngày 19 tháng 02 năm 2025***

**TIẾNG VIỆT:**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị**

**Bài đọc 2: Những tấm chân tình – tiết 2 (Đã soạn cùng tiết 1)**

**TOÁN:**

**Bài 73: Thực hành xem đồng hồ – Trang 39 (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng 5 phút một (có số phút là bội của 5).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực.**

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 3 – 5’** |
|  - GV tổ chức trò chơi “ Bắn tên” về nội dung quay đồng hồ để đồng hồ chỉ giờ đúng theo yêu cầu, để khởi động bài học.- GV phổ biến luật chơi: 1 bạn sẽ nêu giờ cho 1 bạn quay đồng hồ, ai quay đúng sẽ được đưa ra yêu cầu cho bạn khác (Yêu cầu về giờ đúng, giờ rưỡi, giờ theo từng 5 phút một)- Gv nhận xét, tuyên dương HS. | - HS tham gia trò chơi- Nghe |
| **2. Luyện tập***:* **22 – 25’** |
| **Bài 3: Xem đồng hồ và đọc giờ theo mẫu (Làm việc cá nhân)**- GV yêu cầu HS nêu đề bài- GV HD HS phân tích mẫu và rút ra cách đọc giờ hơn và giờ kém.- YC HS làm bài cá nhân- Gọi HS nêu kết quả bài làm- GV mời HS nhận xét bạn- GV nhận xét, tuyên dương HS.**Bài 4:****a. (Trò chơi học tập)**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ong tìm chữ” để hoàn thành bài tập tìm cách đọc giờ tương ứng cho đồng hồ. GV sẽ chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn và phổ biến luật chơi. Đội nào tìm nhanh và đúng là đội giành thắng cuộc.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc- GV gọi Hs đọc giờ tương ứng với đồng hồ**b. (Hoạt động cá nhân)**- GV gọi HS đọc yêu cầu- GV yêu cầu HS đọc cá nhân đồng hồ điện tửC:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\ksohtml11112\wps29.jpg- GV gọi HS đọc giờ trước lớp+ Khi đồng hồ chỉ 7 giờ 55 phút thì còn thiếu mấy phút nữa để đồng hồ chỉ đúng 8 giờ?+ Vậy 7 giờ 55 phút thì còn có cách đọc giờ khác như thế nào?- GV hỏi tương tự với hai đồng hồ còn lại để tìm ra giờ kém.- GV nhận xét, tuyên dương HS. | - 1 HS nêu đề bài.- HS lắng nghe-HS làm bài cá nhân- 3 HS nêu kết quả bài làm+ Đồng hồ màu cam chỉ 7 giờ 45 phút hay 8 giờ kém 15 phút.+ Đồng hồ xanh ngọc chỉ 8 giờ 55 phút hay 9 giờ kém 5 phút. + Đồng hồ xanh dương chỉ 4 giờ 40 phút hay 5 giờ kém 20 phút.- HS nhận xét bài bạn- 1 HS nêu yêu cầu- HS nghe phổ biến luật chơi và thực hiện chơi trò chơi. HS khác cổ vũ bạn.- 2, 3 HS đọc giờ.- 1 HS đọc yêu cầu- HS tự đọc cá nhân- 3 HS đọc bài- Khi đồng hồ chỉ 7 giờ 55 phút thì còn thiếu 5 phút nữa là đúng 8 giờ.- 8 giờ kém 5 phút.- HS thực hiện theo yêu cầu để tìm ra giờ kém: 1 giờ kém 25 phút, 12 giờ kém 20 phút. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| **Bài 5: (Hoạt động nhóm 4)**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 với các yêu cầu sau:+ Câu 1: Nói về hoạt động và thời gian diễn ra hoạt động đó ở mỗi bức tranh (ý a)+ Câu 2: Hoàn thành vào bảng theo mẫu (ý b)- GV mời các nhóm báo cáo kết quả- GV mời HS nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, chốt kiến thức, tuyên dương HS- GV nhận xét tiết học. | - 1 HS nêu yêu cầu- HS hoạt động nhóm 4 thực hiện yêu cầu GV đưa ra.- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả:+ Hoạt động nhảy bao bố lúc 8 giờ 25 phút.+ Hoạt động chơi kéo co lúc 9 giờ 50 phút hay 10 giờ kém 10 phút.+ Hoạt động ăn trưa lúc 11 giờ 35 phút hay 12 giờ kém 25 phút.+ Hoạt động chơi ô ăn quan lúc 2 giờ 20 phút.+ Hoạt động truy tìm kho báu lúc 2 giờ 55 phút hay 3 giờ kém 5 phút.- HS nhận xét, bổ sung. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.......................................................................................................................................................................................................................................... |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Chủ đề 5: Con người và sức khỏe**

**Bài 15: Cơ quan tiêu hóa (t3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

- Luyện tập và mở rộng hiểu biết về một số việc cần làm hoặc cần tránh để bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

- HS có ý thức thay đổi thói quen ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hoá.

- Vận dụng những kiến thức đã học để nhắc nhở các bạn không nên nói chuyện, cười đùa trong khi ăn.

**2. Năng lực.**

- Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Thực hiện được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hóa.

- Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Đoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò *“ Vượt chướng ngại vật”*- Cách chơi: GV chiếu một số câu hỏi, HS chọn đáp án và viết vào bảng con. Giơ bảng khi có hiệu lệnh. - GV tổ chức cho HS chơi*Gợi ý câu hỏi:*Câu 1: *Quá trình tiêu hoá gồm 3 giai đoạn (lấy vào, tiêu hoá, thải ra).*1. Đúng
2. Sai

Câu 2: *Ở dạ dày, thức ăn được nhào trộn, nghiền nát thành dạng lỏng. Một phần thức ăn được dịch vị biến đổi thành chất dinh dưỡng.*1. Đúng
2. Sai

Câu 3: *Cơ quan tiêu hoá có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải các chất cặn bã ra ngoài.*1. Đúng
2. Sai

- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Ở tiết học trước cô trò ta đã tìm hiểu về chức năng của cơ quan tiêu hoá. Hôm nay cô trò mình tiếp tục tìm hiểu về “Cơ quan tiêu hoá” tiết 3.* | - HS lắng nghe, quan sát- HS tham gia trò chơi.- HS trả lờiCâu 1: Đáp án BCâu 2: Đáp án ACâu 3: Đáp án B- HS lắng nghe.- 2 HS đọc tên bài, cả lớp ghi vở. |
| **2. Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **Bảo vệ cơ quan tiêu hoá****Hoạt động 6. Tìm hiểu về những việc cần làm hoặc cần tránh để bảo vệ cơ quan tiêu hoá**- GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.**-** GV chia lớp thành các nhóm. Phát cho mỗi nhóm một chiếc bánh mì hoặc cơm. Yêu cầu HS trong nhóm nhai kĩ khoảng một phút.- Tiếp theo, trưởng nhóm điều khiển các bạn chia sẻ về:+ Sự thay đổi độ cứng và vị của miếng bánh mì hoặc cơm trước và sau khi nhai.+ Vai trò của răng, lưỡi và nước bọt khi ăn.- GV gọi đại diện nhóm trình bày.- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét chung, tuyên dương.- GV chốt hoạt động và mời HS đọc lại.*Ở khoang miệng, thức ăn được nghiền nhỏ, nhào trộn, tẩm ướp. Khi nhai kĩ, nước bọt sẽ giúp biến đổi một lượng nhỏ thức ăn chứa chất bột như bánh mì, cơm, ... thành đường.*  | - 1 Học sinh đọc yêu cầu bài.- HS trong nhóm nhận bánh mì hoặc cơm, nhai và cảm nhận.- HS thảo luận nhóm và chia sẻ.- Đại diện nhóm trình bày.- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc lời con ong ở trang 85 SGK. |
| **3. Luyện tập***,* **thực hành: 12 -15’** |
| **Hoạt động 7. Chơi trò chơi “Hỏi – đáp”** - GV chiếu khung hình như SGK trang 87.- Gọi HS lên bảng chỉ và nói nội dung của mỗi khung hình.- GV tổ chức HS chơi trò “Hỏi – Đáp” \* *Cách chơi:* GV chia lớp thành hai đôi. Đội trưởng lên bốc thăm xem đội nào được hỏi trước. (Ví dụ: Đội 1 được hỏi trước sẽ cử người nêu câu hỏi, đội 2 cử người trả lời. Nếu trả lời đúng, đội 2 lại nêu câu hỏi để đội 1 trả lời). Ngoài 3 câu hỏi ở SGK, các đội cần chuẩn bị thêm các câu hỏi “Hỏi – đáp” khác để đố đội bạn. Đội nào “hỏi” nhanh, “đáp” đúng và đưa thêm được nhiều câu hỏi hơn là đội thắng cuộc. (Ví dụ: Vì sao không nên ăn quá no?)+ Lớp bầu 3 bạn làm trọng tài để điều khiển và theo dõi các đội chơi.+ 2 đội có 2 phút để chuẩn bị. Ghi nhớ nội dung câu hỏi, trả lời trong SGK và chuẩn bị thêm các câu hỏi – đáp khác.- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát- 1,2 HS lên bảng, cả lớp lắng nghe, quan sát.- HS lắng nghe- HS lắng nghe- 3 HS làm trọng tài điều khiển trò chơi và theo dõi các đội chơi.- 2 đội chuẩn bị các câu hỏi – đáp - HS tham gia trò chơi- HS lắng nghe |
| **Hoạt động 8: Chia sẻ về sự cần thiết phải thay đổi thói quen trong ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hóa.**- GV chiếu câu hỏi, gọi HS đọc.Em cần thay đổi thói quen nào trong ăn uống để bảo vệ cơ quan tiêu hóa? Vì sao?- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4.- Gọi đại diện nhóm trình bày.- Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1,2 HS đọc, cả lớp quan sát- HS thảo luận nhóm 4- Đại diện nhóm trình bày.+ HS chia sẻ về những thói quen các em ăn uống chưa tốt như ăn không đúng giờ, ăn quá no, ... Giải thích được lí do vì sao cần thay đổi.- Đại diện nhóm khác nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm; 5 – 6’** |
| **Hoạt động 9: Xử lí tình huống*****Em sẽ khuyên các bạn thế nào, nếu các bạn cười đùa trong khi ăn?***- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.- GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi.- Gọi đại diện nhóm trình bày- Gọi đại diện nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương.- Gọi HS đọc lời con ong SGK trang 87.- Nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS quan sát- HS đọc đề bài- Nhóm trưởng điều hành nhóm:Yêu cầu thành viên nghiên cứu tình huống, phân vai và tổ chức đóng vai trong nhóm.- Một đến hai nhóm lên bảng đóng vai, đưa ra lời khuyên cho các bạn.- Đại diện nhóm nhận xét.- HS đọc: Các bạn nhớ tập cho mình thói quen ăn đúng giờ, ăn đủ bữa, không ăn quá no; ăn chậm, nhai kĩ; thường xuyên tập thể dục và vận động vừa sức.- HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

***Thứ năm ngày 20 tháng 02 năm 2025***

**TOÁN**

**Bài 74: Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo) – trang 41 (tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút.

- Vận dụng được cáchxem giờ vào thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực.**

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức trò chơi: *Ai nhanh – Ai đúng* về xem đồng hồ theo giờ đúng để khởi động bài học.- GV phổ biến luật chơi và hướng dẫn HS cách chơi: Nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng của đồng hồ. Ai giơ tay nhanh nhất và có câu trả lời đúng sẽ được tặng 1 sticker.+ 9 giờ 45 phút, 12 giờ 25 phút, 7 giờ 55 phút, 2 giờ 10 phút, 4 giờ 15 phút.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới  | - HS tham gia chơi trò chơi- HS nhìn đồng hồ và nêu giờ đúng- Nghe |
| **2. Hình thành kiến thức:8 – 10’** |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh và hỏi để nhận ra tranh vẽ hình ảnh trên xe bus và đồng hồ điện tử chỉ 7 giờ 12 phút.- GV yêu cầu HS lấy mô hình đồng hồ - GV hướng dẫn HS quan sát các vạch trên đồng hồ giữa hai số liên tiếp.+ Từ vạch số 12 đến vạch số 1 có mấy vạch?+ Vậy có mấy vạch ở giữa hai số liên tiếp?- GV nhận xét, kết luận: Có 4 vạch ở giữa hai vạch số liên tiếp. Mỗi khi kim phút chỉ đến 1 vạch trên mặt đồng hồ thì có một phút.- GV chỉnh kim đồng hồ quay tới 1 vài vị trí rồi hướng dẫn cho HS đọc giờ thích hợp.+ 7 giờ 12 phút, 10 giờ 27 phút, 9 giờ 56 phút. + Khi đồng hồ chỉ 9 giờ 56 phút thì thiếu mấy phút nữa để đồng hồ chỉ 10 giờ đúng?+ Vậy 9 giờ 56 phút ta còn có cách đọc khác như thế nào?- GV mời HS nhận xét.+ Lúc 9 giờ 32 phút thì kim phút chỉ vào vạch nào?+ Lúc 10 giờ kém 7 phút thì kim phút chỉ vào vạch nào?- GV mời HS nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương + Vậy trên hình ảnh minh hoạ, đồng hồ của bạn nam chỉ mấy giờ?- GV nhận xét. | - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi để chỉ ra tranh vẽ hình ảnh trên xe bus và đồng hồ điện tử chỉ 7 giờ 12 phút.- HS lấy mô hình đồng hồ- HS quan sát- Có 4 vạch ở giữa hai vạch số 12 và số 1.- Có 4 vạch ở giữa hai vạch số liên tiếp - 3 HS đọc theo yêu cầu- Khi đồng hồ chỉ 9 giờ 56 phút thì còn thiếu 4 phút để đồng hồ chỉ 10 giờ đúng.- 10 giờ kém 4 phút.- HS nhận xét- Lúc 9 giờ 32 phút thì kim phút chỉ vào vạch thứ 2 của số 6.- Lúc 10 giờ kém 7 phút thì kim phút chỉ vào vạch số 3 của số 10. - HS nhận xét, bổ sung.- Đồng hồ của bạn nam chỉ 7 giờ 12 phút. |
| **3. Luyện tập, thực hành: 12 – 15’** |
| **Bài 1: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ (Làm việc cá nhân)**- GV mời HS đọc yêu cầu bài**-** GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân.+ Đồng hồ xanh dương chỉ mấy giờ?+ Vì sao em biết đồng hồ chỉ 5 giờ 8 phút.- Gọi HS đọc giờ các đồng hồ khác- GV mời HS khác nhận xét.**-** GV nhận xét chung, tuyên dương.**Bài 2: Mỗi đồng hồ sau chỉ thời gian tương ứng với cách đọc nào? (Trò chơi học tập)**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài.- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” nối đồng hồ với cách đọc giờ tương ứng.- GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 6 bạn.- GV phổ biến luật chơi, cách chơi: Nối đồng hồ với cách đọc giờ tương ứng. Đội nào nối nhanh, đúng thì sẽ giành thắng cuộc.- GV nhận xét, chữa bài và tuyên dương HS.- GV lưu ý cho HS đọc đồng hồ B, C, E theo cách đọc khác.- GV gọi HS nhận xét.**-** GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài- HS quan sát, đọc giờ và trả lời.+ Đồng hồ xanh dương chỉ 5 giờ 8 phút.- Vì kim ngắn chỉ qua số 5 một chút, kim dài chỉ vào vạch 3 của số 1.- 5 HS đọc giờ đồng hồ.+ Đồng hồ cam chỉ 11 giờ 21 phút.+ Đồng hồ xanh lá chỉ 9 giờ 4 phút.+ Đồng hồ tím chỉ 8 giờ 15 phút.+ Đồng hồ nâu chỉ 11 giờ 53 phút hay 12 giờ kém 7 phút.+ Đồng hồ đỏ chỉ 6 giờ 40 phút hay 7 giờ kém 20 phút.- HS nhận xét.- 1 HS đọc yêu cầu bài- HS thành 2 đội, HS khác cổ vũ.- HS tham gia chơi theo yêu cầu.+ Đồng hồ A à a. 2 giờ 7 phút.+ Đồng hồ B à e. 12 giờ 35 phút.+ Đồng hồ C à d. 9 giờ kém 8 phút+ Đồng hồ D à c. 7 giờ 22 phút.+ Đồng hồ E à g. 10 giờ kém 15 phút.+ Đồng hồ G à b. 11 giờ rưỡi.- HS nhận xét.- 3 HS đọc theo yêu cầu.+ Đồng hồ B à 1 giờ kém 25 phút.+ Đồng hồ C à 8 giờ 52 phút+ Đồng hồ E à 9 giờ 45 phút.- HS nhận xét. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| - GV hỏi: Buổi sáng em đi học lúc mấy giờ?+ Buổi trưa em được tan học lúc 10 giờ 45 phút thì kim dài sẽ chỉ vào số mấy?+ Em ăn cơm lúc 11 giờ 8 phút thì kim dài sẽ chỉ vào vạch nào?- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.- GV nhận xét tiết học. | - HS trả lời theo ý mình.+ Buổi trưa em được tan học lúc 10 giờ 45 phút thì kim dài sẽ chỉ vào số 9.+ Em ăn cơm lúc 11 giờ 8 phút thì kim dài sẽ chỉ vào vạch 3 của số 1. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.......................................................................................................................................................................................................................................... |

**ĐẠO ĐỨC**

**Chủ đề : Khám phá bản thân**

**Bài 8: Em hoàn thiện bản thân (tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.

**2. Năng lực.**

- Biết đánh giá bản thân.

- biết quan sát, kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.

- Biết chia sẻ, trao đổi, trình bày trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp: Giaó dục Quyền và bổn phận trẻ em

Phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để hoàn thiện bản thân.

**II.Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:3 – 5’** |
| - GV tổ chức cho HS tham gia cuộc thi Tài năng tỏa sáng.- GV chia lớp thành 3 nhóm.- GV phổ biến luật chơi: Mỗi nhóm cử một đại diện thể hiện tài năng của bản thân (múa, hát,...) trong 30 giây. Phần thi của nhóm nào được nhiều bình chọn nhất sẽ thắng cuộc.- Mời đại diện các nhóm trình bày.- HS nhận xét, bình chọn.- GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.- HS chia nhóm theo sự phân công của GV.- HS theo dõi.- HS chơi trò chơi.- HS thực hiện.- HS theo dõi. |
| **2. Hình thành kiến thức; 8 – 10’** |
| **Hoạt động 1: Kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi.**- GV giới thiệu tranh có kèm bóng nói.- GV yêu cầu HS quan sát tranh, kể lại câu chuyện Văn hay chữ tốt và trả lời câu hỏi:+ Theo em, đâu là điểm mạnh, điểm yếu của Cao Bá Quát?+ Cao Bá Quát đã khắc phục điểm yếu của bản thân bằng cách nào?- GV mời HS khác nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương, chỉnh sửa, bổ sung (nếu có). | - HS theo dõi.- HS thực hiện.+Điểm mạnh của Cao Bá Quát là văn hay, viết đơn lí lẽ rõ ràng, biết giúp đỡ mọi người nhưng Cao Bá Quát có điểm yếu là viết chữ quá xấu.+ Cao Bá Quát đã khắc phục điểm yếu bằng cách chăm chỉ luyện tập viết chữ ngày đêm không ngừng.- Lớp nhận xét.- HS theo dõi. |
| **3. Luyện tập, thực thành: 12 – 15’** |
| **Hoạt động 2: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.**- GV giới thiệu tranh, yêu cầu HS quan sát tranh: - GV hướng dẫn HS nhận biết một số cách để tự đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của bản thân như:+ Tự suy nghĩ và liệt kê điểm mạnh, điểm yếu.+ Tích cực tham gia các hoạt động.+ Lắng nghe ý kiến từ người thân, thầy cô, bạn bè- Gọi 1 số HS chia sẻ thêm một số cách để tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.- Em chọn cách nào trong những cách trên để tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của mình?- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát tranh.- HS lắng nghe, ghi nhớ.- HS trình bày.+ Viết nhật kí rèn luyện.+ Tự rèn luyện bản thân.+ Lắng nghe chuyên gia tâm lí...- HS nêu quan điểm.- HS theo dõi. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| 4. Tích hợp: Giaó dục Quyền và bổn phận trẻ em**-** GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp.2 bạn ngồi cạnh nhau tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của nhau và nêu một số cách để khắc phục điểm yếu cho bạn.- GV mời một số cặp chia sẻ trước lớp.- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương.Gd các em cần phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để hoàn thiện bản thân.- Nhận xét tiết học, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe, thảo luận nhóm đôi.- HS chia sẻ trước lớp.- HS theo dõi. |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TOÁN +**

**Ôn luyện**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật. Nhận biết được các yếu tố cơ bàn của khối lập phương, k[hối hộp chữ nhật là đỉnh,](https://blogtailieu.com/) mặt, cạnh.

- [Đếm được số lượng đ](https://blogtailieu.com/)ỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, [khối hộp chữ nhật](https://blogtailieu.com/)

- Phát triển năng lực [thông qua nhận biết](https://blogtailieu.com/) các yếu tố của khối lập phương, kh[ối hộp chữ nhật, HS phát](https://blogtailieu.com/) [triển năng lực quan sá](https://blogtailieu.com/)t, năng lực tư duy, mô hình hoá, đồn[g thời phát triển trí tưởng](https://blogtailieu.com/) [tượng không gian.](https://blogtailieu.com/)

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Quan sát hình và trả lời các dạng hình khối nào: - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi+ hình khối trụ: Hộp hạt điều, bình nước, hộp cầu lông.+ Hình khối cầu: Quả bóng,quả bóng tenis.+ hình khối lập phương: Con xúc xắc, hộp quà.+ Hình khối hộp chữ nhật: hộp bánh, quyển sổ.- HS lắng nghe. |
| **2. Củng cố kiến thức:** |
|  - Yêu cầu học sinh quan sát 2 hộp trên bảng và chỉ ra đâu là khối hộp chữ nhật, đâu là khối lập phương.- GV giới thiệu các mặt, đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật và khối lập phương.- YCHS lấy trong bộ đồ dùng học tập khối HCN, GV yêu cầu HS chỉ lần lượt vào từng vị trí trên hình khối để nhận diện mặt, đỉnh và cạnh của khối hộp.- YCHS đếm tất cả các mặt, cạnh, đỉnh và rút ra nhận xét về các mặt của khối hộp chữ nhật.- Làm tương tự với khối lập phương.- GV chốt đặc điểm của hai khối hộp- YCHS so sánh đặc điểm của hai hình khối. *\* GV kết luận:**Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh**Khối lập phương có mặt đều là hình vuông**Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật.***3. Luyện tập:****Bài 1: (Làm việc cá nhân)**a) Gọi 2 HS lên bảng, chỉ trên vật mẫu các mặt, đỉnh, cạnh của hai khối hộp.- GV nhận xét, tuyên dương các em biết chỉ đúng đỉnh, cạnh, mặt của khối hộp.b) Gv cho Hs nêu lại đặc điểm của khối hình chữ nhật và khối lập phương.- YCHS thực hiện làm bài vào vở. Trao đổi chéo vở cho nhau để nhận xét.- GV nhận xét.**Bài 2: (Làm việc nhóm 2). Quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.**- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.- Chia lớp thành các nhóm đôi, thảo luận và trả lời theo đề bài.a) Hình trên có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, bao nhiêu khối lập phương?b) Những hình nào có 6 mặt đều là hình vuông?c) Những hình nào có 12 cạnh?- GV mời đại diện các nhóm trình bày.- GV mời các nhóm khác nhận xét và giải thích câu trả lời của mình.- GV nhận xét chung, tuyên dương.**Bài 3: Tổ chức trò chơi “ Đoán hình ”**- GV chuẩn bị 1 thùng giấy đựng các đồ vật có hình khối hộp chữ nhật hoặc khối lập phương lớn nhỏ khác nhau. Một bạn bịt mắt, cho tay vào trong túi lấy ra 1 khối hộp bất kì, nêu lên đặc điểm của khối và nêu tên khối. Các bạn còn lại làm trọng tài.- GV tổng kết, nhận xét chung.*\* Chốt kiến thức:**Khối hộp có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh**Khối lập phương có mặt đều là hình vuông**Khối hộp chữ nhật có mặt là hình chữ nhật.* | - HS quan sát và trả lời.- HS quan sát tranh trong SGK và lắng nghe.- Nhiều HS thực hiện, thao tác trên bộ đồ dùng học tập.- HS: Khối hộp chữ nhật có 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh và tất cả các mặt đều là hình ch- HS nhắc lại ghi nhớ- HS trả lời: ...- 2HS lên bảng. Lớp quan sát và nhận xét.- HS nêu.- HS thực hiện.- 1 HS Đọc đề bài.- Lớp chia nhóm và thảo luận.a) HS: Có 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương.b) HS: Hình màu tím và màu xanh ngọc.c) 4 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương là những hình có 12 cạnh.- 1HS hỏi - 1HS trả lời.- HS trả lời. - HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe.- HS ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập số 4.- Mời HS chia sẻ ý kiến của mình trước lớp và giải thích tại sao.- GV nhận xét.- GV cho học sinh nhắc lại một số đồ vật quen thuộc trong gia đình có các dạng: Dạng hình khối lập phương, dạng hình khối hộp chữ nhật, dạng hình khối cầu, dạng hình khối trụ.- GV nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học. | - HS đọc.- HS: Em đồng ý với ý kiến của bạn Vì khối lập phương có các mặt đều là hình vuông bằng nhau nên tất cả các cạnh của khối lập phương đều bằng nhau.- HS tự nêu theo hiểu biết của bản thân- HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

***Thứ sáu ngày 21 tháng 02 năm 2025***

**Tiếng Việt**

**Bài 13: Cuộc sống đô thị**

**Bài viết 2: Thư điện tử ( t7)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

 **1.Kiến thức:**

- Bước đầu làm quen với thư điện tử, biết hình thức trình bày một bức thư điện tử (người nhận, chủ đề thư, lời đầu thư, nội dung thư, cuối thư); những phương tiện cần thiết để viết và gửi thư điện tử

- Thể hiện được tình cảm, cảm xúc của bản thân qua thư.

**2. Năng lực**

- biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.

- Biết vận dụng những điều đã học để có thể viết được thư điện tử.

 - Trao đổi với bạn về cách trả lời thư điện tử

 **3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận.

- Bồi dưỡng tình cảm gia đình thông qua việc viết được thư điện tử.

- Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:3 – 5’** |
| - GV tổ chức nghe hát : ba ngọn nến lung linh để khởi động bài học.- GV cùng trao đổi về nội dung bài hát- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe bài hát.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức: 8 – 10’** |
| **Hoạt động 1: TRẢ BÀI VIẾT 2: Viết thư kể chuyện**- GV trả Bài viết 2 (Bài 12): Viết thư gửi người thân (ông, bà,cô, chú, bác, dì, cậu,...) theo một trong hai đề: Biểu dương những câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm.- GV nhận xét, bổ sung. | - GV nghe HS nhận xét, sửa sai- Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm |
| **3. Luyện tập, thực hành: 12 – 15’** |
| **3.1. 1. Giới thiệu bài**- GV mời HS viết vào vở ôli.- GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.**3.1.2. Chuẩn bị.**− GV mời 1 HS đọc trước lớp YC của BT 1.– GV cho HS chọn đề 1 hoặc đề 2.− GV đặt câu hỏi gợi ý:+ Em sẽ viết thư gửi ai? + Dòng đầu thư, em sẽ viết thế nào? + Em dùng cặp từ xưng hô nào để thể hiện sự kính trọng? + Trong phần nội dung, em sẽ hỏi thăm ông điều gì, kể cho ông nghe điều gì?+ Phần cuối thư, em chúc ông điều gì, hứa hẹn điều gì? + Kết thúc lá thư, em viết gì? - GV nhận xét, tuyên dương.**3.1.3: Viết thư (BT 1, BT 2)** -HS viết thư vào giấy đã chuẩn bị. HS minh hoạ nội dung bức thư: gắn tranh ảnh chuẩn bị sẵn.− GV đến từng bàn giúp đỡ HS yếu, kém; khuyến khích HS khá, giỏi viêt, sáng tạo; phát hiện những bức thư hay.- GV mời một vài em đọc thư trước lớp.Cả lớp và GV nhận xét, khen ngợi những HS viết thư hay, diễn đạt lưu loát; dùng từ xưng hô phù hợp, tình cảm; minh hoạ đẹp, phù hợp nội dung bức thư.- GV đọc, chữa 5 – 7 bức thư (lỗi chính tả, từ, câu ,...). HS tự chữa lỗi trong bức thư của mình.- GV thu một số bài chấm và nhận xét chung cả lớp.**3.1.4: Viết phong bì thư (BT 3)**HS thực hành viết các thông tin cần thiết lên phong bì đã chuẩn bị; dán tem thư. - Một số HS giới thiệu phong bì thư của mình. HS và GV nhận xét. GV hướng dẫn HS sửa / bổ sung thông tin trên phong bì  | - HS viết bài vào vở ôli.- 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp- các HS khác nhận xét+Em sẽ viết thư gửi ông nội em gửi nội em.+Em viết nơi viết thư; ngày, tháng, năm viết thư, VD: Nghệ An, ngày… tháng… năm 2022).+Em sẽ viết: Ông kínhyêu của cháu! / Nội yêu quý của con!/...+ Em sẽ hỏi thăm sức khoẻ của ông, kể cho ông nghe về cảm xúc của em sau một chuyến về thăm quê (một kì nghỉ ở nông thôn) / kể về những thay đổi tốt đẹp gần đây ở địa phương em.Em sẽ chúc ông luôn mạnh khoẻ. Em hứa sẽ đi thăm ông vào kì nghỉ hè tới.+ Em viết lời chào ông, kí tên và viết tên của em.- HS viết vào giấy-GV giúp đỡ- 2- 3 Hs đọc bài viết trước lớp.- HS trang trí thêm trên phong bì thư, như vẽ hoa, ngôi sao,... vào những vị trí phù hợp. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| **-** GV mở cho HS chơi trò chơi: Gấp thư+GV cho HS tham gia trò chơi để nhận biết cách gấp thư, bỏ thư vào phong bì, dán phong bì để chuẩn bị gửi thư.+ Nêu cảm nhận của em khi gấp phong bì thư- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS lắng nghe bài hát.- Cùng trao đổi với GV về cảm nhận của mình về cách gấp phong bì thư.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**TOÁN:**

**Bài 74: Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo) – Trang 42 (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút.

- Vận dụng được cáchxem giờ vào thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực.**

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy (mô hình đồng hồ thật).

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 3 – 5’**- GV mời 3 HS lên bảng quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ:  | - 3 HS lên bảng thực hiện |
| + 7 giờ 17 phút, 10 giờ kém 6 phút, 3 giờ 45 phút.- GV mời HS nhận xét- GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS khác nhận xét bạn. |
| **2. Luyện tập***,* **thực hành: 22 – 25’****Bài 3: Hai đồng hồ nào dưới đây chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối? (Làm việc nhóm đôi)** | - 1 HS nêu yêu cầu bài.- HS thực hiện nhóm đôi theo YC.- Các nhóm đọc kết quả+ Đồng hồ H à Đồng hồ B+ Đồng hồ I à Đồng hồ C+ Đồng hồ K à Đồng hồ A |
| - GV mời HS nêu yêu cầu bài.- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi (1 bạn đọc giờ đồng hồ điện tử H, I, K, L, M ,N - 1 bạn nêu giờ tương ứng trên các đồng hồ A, B, C, D, E, G)- GV gọi HS các nhóm báo cáo kết quả lần lượt theo từng đồng hồ.- GV gọi HS nhận xét- GV nhận xét, tuyên dương HS.- GV gọi HS đọc giờ trên đồng hồ A, C, E theo cách đọc khác.- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.**Bài 4: Quan sát tranh vẽ rồi trả lời các câu hỏi? (Làm việc nhóm 4)**- GV mời HS nêu yêu cầu bài.- Chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận và trả lời theo đề bài.a. + Lan bắt đầu vẽ tranh lúc mấy giờ? + Lan vẽ xong tranh lúc mấy giờ? + Vậy Lan vẽ tranh trong thời gian bao nhiêu phút?b.  + Hai bố con nặn bánh lúc mấy giờ? + Hai bố con luộc bánh lúc mấy giờ?  + Hai bố con vớt bánh lúc mấy giờ? + Bánh luộc bao lâu thì chín? + Hai bố con làm bánh trong thời gian bao nhiêu phút?- GV mời đại diện các nhóm trình bày.- GV mời các nhóm khác nhận xét- GV Nhận xét chung, tuyên dương. | + Đồng hồ L à Đồng hồ E+ Đồng hồ M à Đồng hồ D+ Đồng hồ N à Đồng hồ G- HS khác nhận xét bạn.- HS lắng nghe- 3 HS đọc:+ Đồng hồ A: 20 giờ 36 phút hay 8 giờ 36 phút, 9 giờ kém 24 phút.+ Đồng hồ C: 14 giờ 45 phút hay 2 giờ 45 phút hoặc 3 giờ kém 15 phút.+ Đồng hồ E: 17 giờ 50 phút hay 5 giờ 50 phút hoặc 6 giờ kém 10 phút.- 1 HS nêu yêu cầu bài.- Lớp chia nhóm và thảo luận.+ Lan bắt đầu vẽ tranh lúc 9 giờ 35 phút.+ Lan vẽ xong tranh lúc 10 giờ.+ Vậy Lan vẽ tranh trong thời gian 25 phút.b. + Hai bố con nặn bánh lúc 4 giờ rưỡi.+ Hai bố con luộc bánh lúc 4 giờ 50 phút.+ Hai bố con vớt bánh lúc 5 giờ 5 phút+ Bánh luộc 15 phút thì chín.+ Hai bố con làm bánh trong thời gian 35 phút.- Đại diện các nhóm trình bày- Các nhóm khác nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| **Bài 5: Trò chơi “Đố bạn”**- GV mời HS nêu yêu cầu bài.- Chia lớp thành các nhóm 4 cùng chơi và trả lời theo đề bài.+ 1 bạn hỏi và chỉ định 1 bạn trong nhóm trả lời, các bạn khác dùng mô hình để xác nhận câu trả lời. Các thành viên luân phiên nhau hỏi và trả lời.- GV gọi 2-3 nhóm chia sẻ trước lớp- GV mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.- GV nhận xét tiết học. | - 1 HS nêu yêu cầu bài.- Lớp chia nhóm và chơi.- 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.- Các nhóm khác nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**TOÁN( tăng)**

**LUYỆN TẬP THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách đọc giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút (BT1, 2, 3);

- Vận dụng được cách xem giờ vào thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**3. Phẩm chất.**

Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Mô hình đồng hồ thật; Phiếu BT (bài 2).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**- GV mời 3 HS lên bảng quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ: + 10 giờ 12 phút, 8 giờ kém 3 phút, 14 giờ 45 phút.- GV mời HS nhận xét- GV nhận xét, tuyên dương HS.**2. Luyện tập, thực hành****HĐ1. Ôn tập cách xem giờ**Trên mặt đồng hồ có những gì?-GV nhận xét chốt: trên mặt đồng hồ có kim giờ, kim phút, kim giây … nhưng để xem giờ các em cần lưu ý 2 kim là kim giờ và kim phút.- Nêu cách xem giờ đúng?- Nêu cách xem giờ hơn?-Nêu cách xem giờ kém ?*=>Chốt cách xem giờ**- Giờ đúng:Kim giờ chỉ số nào thì đọc số đó.**- Giờ hơn:Đọc số giờ + số phút hơn**-Giờ kém: Đọc số giờ kế tiếp + kém + số phút kém.***HĐ2:Luyện tập:****Bài 1: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ (Làm việc cá nhân)**- GV mời HS đọc yêu cầu bài**-** GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân- Gọi HS đọc giờ các đồng hồ-Gọi Hs nhận xét câu trả lời của bạn .*=>GV chốt đáp án và cách xem đồng hồ***Bài 2 : Số**   …giờ……phút …giờ……phút   …giờ……phút …giờ……phút **-**GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi làm vào phiếu học tập-Gọi đại diện nhóm trả lời -GV nhận xét chốt đáp án đúng**Bài 3: Nối số chỉ giờ với đồng hồ em cho là đúng**-GV gọi HS đọc đề **12 giờ kém 8 phút** **11 giờ 20 phút****5 giờ kém12 phút** 1. **giờ 7 phút**

*=>Gv nhận xét chốt đáp án đúng***Bài 4:Nêu cách đọc giờ khác của các số chỉ giờ sau:**+ 1 giờ 25 phút =>+ 8 giờ kém 15 phút=>+ 17 giờ 30 phút=>+ 21 giờ 10 phút=>-Gv nhận xét cách đọc giờ, chỉnh sửa nếu cần thiết.=> Chốt: có nhiều cách đọc giờ ta cần lưu ý đọc đúng.- Nhận xét tiết học, tuyên dương HS- Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - 3 HS lên bảng thực hiện- HS khác nhận xét bạn.-Trên mặt đồng hồ có kim ngắn ( kim chỉ giờ), Kim dài( kim chỉ phút), kim nhỏ ( kim chỉ giây) và các số từ 1 đến 12.-Kim giờ chỉ số nào thì đọc số đó.- Đọc số giờ + số phút hơn-Đọc số giờ kế tiếp + kém + số phút kém.-HS đọc yêu cầu đề bài-HS trả lời cá nhân trước lớp theo từng tranh.+ Đồng hồ 1 chỉ 8 giờ 20 phút+ Đồng hồ 2 chỉ 5 giờ 8 phút+ đồng hồ 3 chỉ 10 giờ kém 8 phút+ Đồng hồ 4 chỉ 7 giờ kém 20 phút+ Đồng hồ 5 chỉ 10 giờ 30 phút+ Đồng hồ 6 chỉ 8 giờ 15 phút-HS đọc đề bài-HS thảo luận nhóm đôi làm vào phiếu học tập.- Đại diện nhóm trả lời- Nhóm khác nhận xét- HS lắng nghe- HS đọc đề-HS lên bảng chỉ cách nối trên màn hình chiếu- HS khác nhận xét-HS đọc đề bài, hoạt động cá nhân nêu số giờ tương ứng.+ 1 giờ 25 phút => 13 giờ 25 phút+ 8 giờ kém 15 phút=> 20 giờ kém 15 phút+ 17 giờ 30 phút=>5 giờ 30 phút (chiều)+ 21 giờ 10 phút=>9 giờ 10 phút ( tối) |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………..........................................................................................................................................................................................................................

**Buổi chiều**

**TIẾNG VIỆT +:**

**Ôn luyện**

**I.yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức.**

- Củng cố cho HS cách đặt và trả lời câu hỏi Bằng gì? Câu cảm.Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc.

**2.Năng lực chung.**

- Rèn cho HS kĩ năng xác định bộ phận trả lời cho câu hỏi Bằng gì?; đặt câu hỏi cho bộ phận câu tả lời câu Bằng gì?, viết câu có bộ phận TLCH Bằng gì?.

**3. Phẩm chất.**

- Giáo dục HS có ý thức nói và viết câu cho đúng.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

Bảng phụ ghi bài 1+ 2.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **H oạt động của GV** | **HĐ của HS** |
| **1. Khởi động: 3 – 5’**- GV yêu cầu HS đặt và trả lời câu hỏi Bằng gì?.+ Khi nào ta dùng câu hỏi Bằng gì ?*- GV chốt lại cách dùng câu hỏi, Bằng gì?**+ Khi muốn biết về phương tiện của một hoạt động, nguyên liệu làm ra một sự vật…ta dùng câu hỏi Bằng gì?***2. Luyện tập, thực hành: 22 – 25’****Bài 1**: (BP) Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi Bằng gì? trong các câu sau:a. Những ngôi nhà được làm bằng tranh tre.b. Mẹ ru con bằng những điệu hát quê nhà.c. Bằng lòng say mê học tập, Lan đã vươn lên đầu lớp.+ Bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì? có thể đứng ở vị trí nào trong câu?*=> Củng cố bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì?.***Bài 2** (BP): Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch chân trong mỗi câu sau a, Em đi học bằng xe đạp.b, Bằng những vũ khí thô sơ, cha ông ta đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược.- Nhận xét.*=> Củng cố về đặt câu hỏi cho bộ phận câu TL câu hỏi Bằng gì?***Bài 3:** Đặt câu cảm cho các tình huống sau:a) Cô giáo ra một bài toán khỏ, cả lớp chỉ có một bạn làm được. Hãy đặt câu càm để bày tỏ sự thán phục.b) Vào ngày sinh nhật của em, có một bạn học sinh cũ đã chuyển trường từ lâu bỗng nhiên tới chúc mừng em. Hãy đặt câu cảm để bày tỏ sự ngạc nhiên và vui mừng.*Chốt: Biết đặt câu bày tỏ cảm xúc về (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,..) của người nói.* **3. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’****Bài 4**. Điền vào chỗ chấm những từ ngữ để hoàn thành các câu sau:a, Ca sĩ thể hiện tài năng bằng ...c, Nhân dân Việt Nam chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược bằng....- YC HS làm bài.- YC HS đọc câu văn trước lớp.- GV nhận xét.*=> Củng cố cách điền các từ ngữ chỉ phương tiện và mục đích thích hợp để tạo thành câu.*- Nhắc HS ghi nhớ nội dung bài học. | - HS hoạt động nhóm đôi đặt và trả lời câu hỏi.- Một số cặp nêu trước lớp.- HS nhận xét, nêu câu khác.- HS: Khi muốn biết về phương tiện của một hoạt động, nguyên liệu làm ra một sự vật.- HS đọc bài, nêu yc.- HS làm bài cá nhân, 2 HS lên chữa bài.Đáp án:a. Những ngôi nhà được làm bằng tranh tre.b. Mẹ ru con bằng những điệu hát quê nhà.c. Bằng lòng say mê học tập, Lan đã vươn lên đầu lớp.- HS nhận xét, bổ sung.- HS: Có thể đứng ở đầu câu, cuối câu, giữa câu.- HS đọc bài, nêu yc.- HS trao đổi cặp đôi đặt câu hỏi và trả lời.a, Em đi học bằng gì?b, Cha ông ta đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược bằng gì?- Nhận xét, bổ sung.- HS đọc bài, nêu yc.HS thảo luận nhóm đôi đặt câu.HS trình bàya) Bạn ấy giỏi quá!b) Cậu làm tớ bất ngờ lắm đấy!- Nhận xét, bổ sung.- HS làm bài cá nhân.- HS nêu câu văn của mình sau khi hoàn thiện.- Nhận xét, HS nêu cách điền khác.- HS lấy vd những câu có bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì?.- HS nêu lại nội dung tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………..........................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt +: Luyện tập trao đổi: Bảo vệ môi trường**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Luyện tập trao đổi: Bảo vệ môi trường đô thị. Hiểu nội dung văn bản (môi trường

đô thị đang bị ô nhiễm nhất là môi trường nước, không khí và cách mà con người

góp phần giảm ô nhiễm môi trường).

 + Biết trao đổi cùng các bạn về những thông tin trong bài.

 - Phát triển năng lực văn học

Bước đầu biết nói một cách hình ảnh để gây chú ý đối với người nghe.

**2. Năng lực:**

 + NL giao tiếp và hợp tác nhìn vào mắt người cùng trò chuyện;

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết trao đổi vấn đề một cách chủ động, tự nhiên, tự tin

**3. Phẩm chất**

 - Góp phần phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm; Có ý thức bảo vệ môi trường.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học**.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** |
| **1. Khởi động: 3 – 5’****HS múa hát theo điều khiển của lớp trưởng** **2. Luyện tập, thực hành:**GV tổ chức các trò chơi: *Phỏng vấn.* Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 HS trả lời; cả lớp cho ý kiến bằng cách giơ tay nếu đồng ý hoàn toàn. Những HS chưa đồng ý hoàn toàn sẽ chia sẻ ý kiến. GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng. - Vì sao môi trường ở đô thị dễ bị ô nhiễm?  - Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nước là gì? - Nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí là gì? - Ô nhiễm nước và không khí gây ra những bệnh gì? - Để giảm ô nhiễm, chúng ta cần làm gì? - Các nhóm cử đại diện chơi trò chơi - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá  **-** GV đưa ra câu hỏi*Em đã và sẽ làm gì để góp phần* *bảo vệ môi trường ?*− Gọi HS nhắc lại câu hỏi- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi.− HS chia sẻ với bạn những việc đã làm và sẽ làm.- GV khuyến khích, hướng dẫn HS:+ *Em đã và sẽ làm gì để góp phần bảo vệ môi trường ?*+ Chia sẻ về dự định làm một số việc vừa sức để góp phần bảo vệ môi trường- GV gọi 2 – 3 HS phát biểu, các HS khác bổ sung, nhận xét.- GV nhận xét và chốt lại vấn đề: Môi trường sống rất quan trọng, vì đó là không gian sinh sống chung của muôn loài. Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường, nhất là ở những đô thị lớn, nơi môi trường đang có những biểu hiện ô nhiễm nghiêm trọng. …- GV nhận xét, sửa sai | - HS nghe văn bản- Theo dõi để định hướng khi nghe.- HS đọc- HS tham gia trò chơi+ Do đô thị là nơi tập trung đông người.+ Do nước thải, rác thải làm bẩn ao hồ, sông và mạch nước ngầm.+ Do khí thải từ nhà máy, ô tô, xe máy; do rác thải, nước thải,... từ nhà máy, bệnh viện, công trình xây dựng và các gia đình.+ (Ô nhiễm nước và khôngkhí gây ra các bệnh về mắt, da, đường hô hấp, đường ruột và cả bệnh ung thư,....+ Chính quyền hoặc các cơ quan,vị có trách nhiệm cần xử lí nguồn gây ô nhiễm từ nhà máy, bệnh viện, công trình xây dựng và các gia đình. Người dân cần bỏ rác đúng nơi quy định, không xả nước thải vào nguồn nước; lựa chọn phương tiện giao thông công cộng; dùng xe đạp thay cho ô tô, xe máy khi đi gần.-HS đọc câu hỏi, cả lớp đọc thầm - Nhóm thảo luận.- HS chia sẻ:+ Giữ gìn vệ sinh nơi ở, lớp học; bỏ rác đúng quy định, hạn chế dùng túi nilon,...Giữ gìn vệ sinh môi trường tại khu dân cư và nơi công cộng.+ Tuyên truyền mọi người biết tầm quan trọng của môi trường, không vứt rác bừa bãi. Vận động mọi người giữ gìn và bảo vệ môi trường..- HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nhiệm: 5 – 6’** |  |
|  - Tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động để bảo vệ môi trường.GV tổ chức cho HS tham gia các hoạt động để bảo vệ môi trường.GV nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.-GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.- GV cho HS nghe thông tin về bảo vệ môi trường đô thị- GV trao đổi những cảm nhận của em sau khi nghe thông tin- GV giao nhiệm vụ HS về nhà kể lại cho người thân nghe những thông tin vè bảo vệ môi trường đô thị.- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS thực hiện theo yêu cầu của GVHS đi xung quanh trường ,lớp , hành lang nhặt rác , giấy bỏ vào thùng rác....HS theo dõi thông tin - HS cùng trao đổi nêu cảm nhận của mình- HS lắng nghe, về nhà thực hiện.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

 **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………............................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Chủ đề: Em yêu quê hương**

**Sinh hoạt cuối tuần: Vệ sinh môi trường lớp học**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1.Kiến thức**

- Thực hiện vệ sinh môi trường lớp học.

- Có ý thức giữ gìn lớp học sạch sẽ.

**2. Năng lực.**

- bản thân tự giác thực hiện tốt việc giữ gìn vệ sinh môi trường ở lớp, ở nhà.

- Biết xây dựng không gian sinh hoạt sạch sẽ của gia đình, ở lớp học, biết trang trí lớp học.

- Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về công việc bảo vệ môi trường.

**3. Phẩm chất:**

- tôn trọng bạn, yêu quý và cùng bạn bè chung tay xây dựng một lớp học than thiện, sạch sẽ.

- Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện giữ gìn môi trường xanh- sạch - đẹp.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:***3 – 5’* |
| - GV mở bài hát “ Em yêu cây xanh ” để khởi động bài học. HS hát và khởi động theo bài hát.+ GV nêu câu hỏi: Trồng nhiều cây xanh cho chúng ta những lợi ích gì?+ Mời học sinh trình bày.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS thực hiện-HS trả lời: cho chim hót trên cành, cho sân trường bóng mát, cho chúng em vui chơi, mang lại không khí trong lành.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức; 8 – 10’****Sinh hoạt cuối tuần***:* |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)****-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.+ Kết quả sinh hoạt nền nếp.+ Kết quả học tập.+ Kết quả hoạt động các phong trào.- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)**\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)** **-** GV yêu cầu lớp trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.+ Thực hiện nền nếp trong tuần.+ Thi đua học tập tốt.+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.- HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu lại nội dung.- Lớp trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.- HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Luyện tập thực hành; 12 – 15’****Sinh hoạt chủ đề.** |
| - GV hướng dẫn HS phân công nhiệm vụ và chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để vệ sinh lớp học như: chổi, khăn lau, hót rác,...+ GV tổ chức cho HS thực hiện vệ sinh lớp học theo nhiệm vụ đã phân công. Nhắc nhở các em chú ý an toàn khi dọn dẹp.- GV Theo dõi giúp đỡ các tổ làm việc.- Sau khi dọn xong, GV và HS chia sẻ cảm nghĩ sau buổi lao động:+ Em hãy mô tả tình trạng trước và sau khi dọn dẹp của lớp học?+ Em có cảm nghĩ như thế nào sau khi thực hiện dọn dẹp?- GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS lắng nghe.- HS thực hiện.- HS trao đổi theo suy nghĩ của mình.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5 – 6’** |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:+ Cùng người thân phân loại rác thải trong gia đình.+ Cả nhà có thể cùng nhau dọn dẹp nhà cửa, trồng cây xanh,...``+ Không xả rác bừa bài, giữ gìn vệ sinh chung.+ Tái chế một số hộp nhựa làm chậu trồng cây, hoa,...- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |